

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ

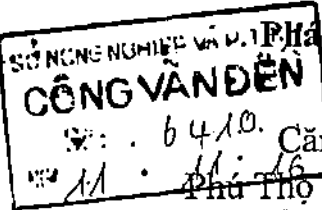
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5225 /KH-UBND

Phú Thọ, ngày 03 tháng 11 năm 2016

**KẾ HOẠCH**

**Phát triển làng nghề nông thôn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 - 2020**



Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc duyệt Quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 148/TTr-SNN ngày 27/10/2016,

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành Kế hoạch phát triển làng nghề nông thôn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 - 2020. Nội dung cụ thể như sau:

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN**

- *Công tác quản lý điều hành:* Tỉnh Phú Thọ sớm phê duyệt Quy hoạch, Kế hoạch tổng thể về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn, Chương trình bảo tồn làng nghề trên địa bàn tỉnh và ban hành nhiều Văn bản chỉ đạo điều hành, thường xuyên hướng dẫn, tăng cường quản lý về làng nghề, ngành nghề nông thôn;

- *Công tác thông tin tuyên truyền:* Thực hiện tốt các nội dung tuyên truyền về phát triển làng nghề nông thôn thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (Đài PT và TH tỉnh, Báo), khẩu hiệu, tờ rơi, các hội nghị, hội thảo...;

- *Công tác đào tạo, tập huấn, ứng dụng khoa học công nghệ:* Công tác đào tạo nghề cho lao động trong làng nghề được chú trọng triển khai nhằm trang bị những kiến thức cơ bản nhất trong quá trình làm nghề, công tác tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật ứng dụng khoa học công nghệ được quan tâm thực hiện thông qua các chương trình: khuyến công, khuyến nông, xây dựng nông thôn mới...;

- *Công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm:* Hàng năm các làng nghề phát triển tốt, có các sản phẩm tiêu biểu đều được lựa chọn tham gia các Hội chợ trung bày, giới thiệu sản phẩm. Qua đó nhiều làng nghề đã tìm được thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định và bước đầu xây dựng thương hiệu sản phẩm làng nghề;

- *Công tác kiểm tra, giám sát:* Phát triển làng nghề nông thôn thường

xuyên được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát. Qua đó kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và đề xuất sửa đổi cơ chế chính sách phù hợp với địa phương;

- Công tác thẩm định, xét công nhận làng nghề nông thôn: Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên quyết định kiện toàn Hội đồng thẩm định xét cấp bằng công nhận làng nghề nông thôn với thành viên Hội đồng là lãnh đạo các sở, ngành liên quan; Hội đồng đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong việc khảo sát, thẩm định, đề nghị công nhận mới các làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC LÀNG NGHỀ NÔNG THÔN

### 1. Tình hình hoạt động của các làng nghề

Đến hết năm 2015 toàn tỉnh có 69 làng nghề nông thôn được công nhận; tổng số lao động trong các làng nghề là 30.740 lao động (tăng 14.550 lao động so với năm 2011); tổng doanh thu của các làng nghề là 1.141,15 tỷ đồng. Các làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh có 4 nhóm chính:

- Nhóm làng nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản: Hết năm 2015, có 38 làng nghề (tăng 21 làng nghề so với năm 2011), có 16.685 lao động tham gia hoạt động nghề (tăng 9.512 lao động so với năm 2011). Các sản phẩm chủ yếu như: Chè đen, chè xanh, bún, mì, bánh các loại...; tổng doanh thu của các làng nghề đạt 452,75 tỷ đồng<sup>(1)</sup>; thu nhập bình quân của người lao động đạt 2 triệu đồng/người/tháng;

- Nhóm làng nghề thủ công mỹ nghệ (đồ gỗ, mây tre đan, dệt may...): Hết năm 2015 có 20 làng nghề (tăng 4 làng so với năm 2011), có 10.125 lao động tham gia hoạt động nghề (tăng 2.248 lao động so với năm 2011). Các sản phẩm chủ yếu như: Đồ mộc gia dụng, nón lá truyền thống, quần áo thổ cẩm, ván ép...; tổng doanh thu của các làng nghề trong nhóm năm 2015 đạt 488,7 tỷ đồng<sup>(2)</sup>; thu nhập bình quân của người lao động đạt 3,5 triệu đồng/người/tháng;

- Nhóm làng nghề xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: Hết năm 2015 có 2 làng nghề; có 370 lao động tham gia hoạt động nghề, sản phẩm chủ yếu là: Vật liệu xây dựng, dịch vụ xây dựng...; tổng doanh thu của các làng nghề trong nhóm năm 2015 đạt 21 tỷ đồng; thu nhập bình quân của người lao động đạt 4 triệu đồng/người/tháng;

- Nhóm làng nghề gây trồng, kinh doanh sinh vật cảnh: Hết năm 2015 có 9 làng nghề (tăng 7 làng nghề so với năm 2011), có 3.560 lao động tham gia hoạt động nghề (tăng 2.790 lao động so với năm 2011), sản phẩm chính là: Hoa, cây cảnh...; tổng doanh thu của các làng nghề trong nhóm năm 2015 đạt 178,7 tỷ

<sup>(1)</sup> Doanh thu đạt cao nhất là làng nghề sản xuất và dịch vụ thủy sản Thủy Trầm, xã Sơn Thủy, Thanh Thủy đạt 27 tỷ đồng; thấp nhất là làng nghề chế biến chè Vân Hùng, xã Tây Cốc, Đoan Hùng và làng nghề chè Chu Hùng, xã Âm Hạ, Hạ Hòa là 50 triệu đồng.

<sup>(2)</sup> Doanh thu đạt cao nhất là làng nghề mộc Việt Tiến, xã Từ Xã, Lâm Thao đạt 66 tỷ đồng; thấp nhất là làng nghề đan lát Minh Hòa, xã Minh Hạc, Hạ Hòa là 1,2 tỷ đồng.

đồng<sup>(3)</sup>; thu nhập bình quân của người lao động đạt 3 triệu đồng/người/tháng.

*(Chi tiết các làng nghề có Phụ lục I, II đính kèm)*

## **2. Kết quả hỗ trợ phát triển làng nghề nông thôn**

- Hỗ trợ công nhận 32 làng nghề mới với tổng kinh phí 1.000 triệu đồng;
- Hỗ trợ 60 lượt làng nghề tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại tại các Hội chợ với tổng kinh phí hỗ trợ 640 triệu đồng;
- Hỗ trợ đào tạo nghề cho 2.169 lao động trong làng nghề, kinh phí hỗ trợ là 4.620 triệu đồng;
- Hỗ trợ các làng nghề về máy móc, trang thiết bị, phát triển sản xuất, xây dựng nhãn hiệu thông qua các chương trình: Xây dựng nông thôn mới, khuyến nông, 135, 30a... với tổng kinh phí 5.680 triệu đồng.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

- Các làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh phát triển tương đối đa dạng và ổn định; tạo việc làm thường xuyên cho nhiều lao động ở nông thôn, nâng cao thu nhập, thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn;
- Một số sản phẩm làng nghề có mẫu mã, chất lượng phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, góp phần thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ, du lịch của tỉnh;
- Phát triển làng nghề nông thôn đã góp phần tăng giá trị sản xuất hàng hóa; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

### **2. Một số hạn chế**

- Quy mô sản xuất các làng nghề nhỏ, manh mún; nguồn vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh ít, khả năng huy động vốn hạn chế; nguyên liệu phục vụ cho sản xuất của một số làng nghề khó khăn như: gỗ, mây tre...;
- Sản phẩm của các làng nghề hầu hết chưa có nhãn hiệu hàng hóa<sup>(4)</sup>, chưa đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ. Chất lượng sản phẩm chưa đồng đều, thị trường tiêu thụ sản phẩm hẹp, chủ yếu vẫn là thị trường nội địa<sup>(5)</sup>;
- Vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề còn hạn chế, hạ tầng làng nghề chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ.

### **3. Nguyên nhân**

<sup>(3)</sup> Doanh thu cao nhất là làng nghề cá chép đỏ Thủy Trám, xã Tuy Lộc, Cẩm Khê đạt 43,5 tỷ đồng; thấp nhất là làng nghề trồng hoa làng Thượng, xã Tiên Du, Phù Ninh là 11 tỷ đồng.

<sup>(4)</sup> Có 4/69 làng nghề có nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, chiếm 5,8%: Làng nghề tương Dục Mỹ, xã Cao Xá, huyện Lâm Thao; làng nghề nuôi và chế biến rắn Từ Xã, Lâm Thao; làng nghề rau an toàn Tân Đức, thành phố Việt Trì; làng nghề thủ công mỹ nghệ và ù ám Sơn Vi, Lâm Thao.

<sup>(5)</sup> Có 5/69 làng nghề có thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu nước ngoài, chiếm 7,2%: Làng nghề chế biến lâm sản Âm Hạ, Hạ Hòa; làng nghề sản xuất sơn ta Xuân Quang, Tam Nông; làng nghề sản xuất sơn đỏ Dị Nậu, Tam Nông; làng nghề sản xuất sơn ta Thọ Xuyên, xã Thọ Văn, Tam Nông; làng nghề sản xuất sơn Văn Lang, xã Văn Lương, Tam Nông.

- *Nguyên nhân khách quan*: Phú Thọ là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, số lượng làng nghề nông thôn còn ít, hoạt động phân tán, chủ yếu tập trung tại các khu vực đông dân cư có điều kiện kinh tế xã hội phát triển. Ngân sách tỉnh hỗ trợ các hoạt động phát triển làng nghề hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

- *Nguyên nhân chủ quan*

Sự quan tâm của một số địa phương đối với hoạt động phát triển làng nghề còn hạn chế; nhận thức của một bộ phận cán bộ và nhân dân về vai trò của làng nghề chưa toàn diện;

Việc áp dụng các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gặp nhiều khó khăn; chưa có chính sách đặc thù, cụ thể khuyến khích các làng nghề phát triển.

Điều kiện làm việc tại các làng nghề còn nhiều khó khăn, thu nhập của người lao động thấp, các chế độ về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động chưa được quan tâm đúng mức. Số lượng nghệ nhân, thợ có tay nghề giỏi ít, chưa được thường xuyên đào tạo.

Các làng nghề chưa quan tâm chú trọng đến công tác xây dựng và phát triển nhãn hiệu, hoạt động bảo hộ sở hữu trí tuệ. Các sản phẩm của làng nghề chưa được quảng bá rộng rãi và tính cạnh tranh của sản phẩm chưa cao.

## Phần thứ hai

### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

#### I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ

- *Thuận lợi*

Phát triển nông nghiệp, nông thôn nói chung, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn nói riêng luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo sát sao. Tỉnh đã phê duyệt quy hoạch phát triển nông, lâm, thủy sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 là một trong những cơ sở để chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn 2016 - 2020.

Phú Thọ là tỉnh thuộc vùng trung du miền núi, có lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển các mặt hàng nông sản với nhiều sản phẩm phong phú và đa dạng.

Việc mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế với các nước trong khu vực và trên thế giới đã tạo cơ hội lớn cho sản phẩm làng nghề có điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ và tăng khả năng xuất khẩu nhất là những sản phẩm đặc trưng của các vùng miền, hàng thủ công mỹ nghệ có nguyên liệu xuất xứ từ thiên

nhiên, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

- *Khó khăn*

Quá trình hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế, bên cạnh những thuận lợi cũng phải đối diện với nhiều thách thức và khó khăn, đặc biệt là rào cản kỹ thuật về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn và cạnh tranh ngày càng cao.

Nội lực kinh tế của tỉnh còn hạn chế, việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp chưa được nhiều, nguồn lực hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu.

Chất lượng nguồn nhân lực của làng nghề nông thôn còn thấp, tỷ lệ lao động được đào tạo mang tính chuyên nghiệp còn ít; sự liên kết giữa các cơ sở sản xuất trong làng nghề còn hạn chế; bên cạnh đó môi trường một số làng nghề, khu vực có nghề đang có nguy cơ bị ô nhiễm.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành nghề nông thôn với quy mô, trình độ công nghệ ngày càng tiên tiến; chú trọng phát triển làng nghề với các sản phẩm là thế mạnh của tỉnh, có giá trị kinh tế cao, gắn sản xuất làng nghề với các hoạt động du lịch, văn hóa, lễ hội truyền thống của tỉnh từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế tham gia phát triển làng nghề, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

### 2. Mục tiêu cụ thể

- Tiếp tục củng cố và phát triển các làng nghề nông thôn đã được UBND tỉnh quyết định công nhận, đảm bảo các làng nghề hoạt động hiệu quả;

- Công nhận mới tối thiểu 15 làng nghề nông thôn, bình quân 3 làng nghề/năm (*chi tiết theo Phụ lục III đính kèm*);

- Hỗ trợ 20 làng nghề xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký các hình thức bảo hộ sở hữu trí tuệ; hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường cho các làng nghề có nguy cơ ô nhiễm môi trường.

## III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

### 1. Đối với các làng nghề đã được UBND tỉnh quyết định công nhận

#### 1.1. Củng cố, tạo điều kiện hỗ trợ để các làng nghề phát triển

- *Về ứng dụng công nghệ vào sản xuất:* Khuyến khích các hộ gia đình, cơ sở sản xuất thuộc làng nghề phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa phát huy thế mạnh của mỗi làng nghề; phát triển mô hình liên kết sản xuất nhằm tập trung đầu mối quản lý và thực hiện có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với các làng nghề thủ công mỹ nghệ (nghề mộc, mây tre đan...): Khuyến khích các hộ gia đình, cơ sở sản xuất thuộc làng nghề đầu tư máy móc thiết bị hiện đại như máy bào, máy đục, máy mài, máy khoan, máy cuốn... kết hợp với kỹ thuật truyền thống nhằm tạo ra các sản phẩm có độ tinh xảo cao.

Đối với các làng nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản: Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao, ứng dụng công nghệ kỹ thuật, đưa các máy móc tiên tiến vào sản xuất; phát triển các làng nghề gắn với vùng nguyên liệu; sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường sinh thái.

- *Xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký các hình thức bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm của làng nghề:* Thường xuyên tổ chức tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất và làng nghề về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng các hình thức bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các nhãn hiệu sản phẩm của làng nghề. Dự kiến giai đoạn 2016 - 2020 hỗ trợ xây dựng 20 nhãn hiệu sản phẩm làng nghề tập trung vào các sản phẩm có thị trường tiêu thụ ổn định như: chè xanh, đồ mộc, nón lá...;

- *Cải thiện mẫu mã, chất lượng sản phẩm:* Khuyến khích các làng nghề chủ động đa dạng hóa và đổi mới mẫu mã, chất lượng sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu cho mọi đối tượng tùy theo thị hiếu của người tiêu dùng ở từng khu vực thị trường, nhất là người tiêu dùng nước ngoài. Các sản phẩm như: Nón lá, quần áo thổ cẩm, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm đan lát...;

- *Bảo vệ môi trường làng nghề:* Cần tăng cường công tác tuyên truyền Luật bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường, nhất là đối với cơ sở sản xuất và người dân làng nghề.

Đối với các nghề, làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cần: Tuân thủ quy trình xử lý khí thải, nước thải và thu gom rác thải, chất thải rắn trong làng nghề, khu vực có nghề; đưa các quy định cụ thể về môi trường vào hương ước, quy ước của làng để các cơ sở sản xuất, hộ làm nghề thực hiện. Huy động các nguồn lực nhằm cải tiến, áp dụng các thiết bị công nghệ tiên tiến trong sản xuất giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Đối với các làng nghề hoạt động khó khăn, không ổn định<sup>(6)</sup>: Đề nghị các làng nghề đề xuất với chính quyền, cơ quan chức năng nhằm tháo gỡ khó khăn cho các làng nghề. Đồng thời, tuyên truyền, vận động các cơ sở sản xuất

<sup>(6)</sup> Theo thống kê của các HTT, có 6 làng nghề hoạt động khó khăn, không ổn định: Làng nghề mây tre đan Ngổ Xá, Cẩm Khê; làng nghề đan lát Minh Hòa, xã Minh Hạc, Hạ Hòa; làng nghề đan lát Tùng Khê, Cẩm Khê; làng nghề sản xuất và chế biến chè Thanh Hòa, xã Gia Điền, Hạ Hòa; làng nghề sản xuất chè Chu Hưng, xã Âm Hạ, Hạ Hòa; làng nghề chế biến chè Tây Cốc, Đoan Hùng.

kinh doanh, hộ gia đình trong làng nghề cố gắng giữ gìn nghề. Trường hợp không thể hoạt động, không đảm bảo các tiêu chí làng nghề thì giải thể, thu hồi giấy công nhận theo quy định.

### **1.2. Phát triển làng nghề gắn với cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp**

Phát triển các làng nghề theo hướng hình thành các cụm công nghiệp làng nghề, gắn với các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hiện có trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể của tỉnh và các quy hoạch liên quan. Chuyển một số làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường vào các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để xử lý ô nhiễm môi trường tập trung.

Xây dựng và phát triển các làng nghề đã quy hoạch nhằm khai thác tối đa lợi thế về quỹ đất và giao thông. Bố trí lại và tận dụng tối đa mặt bằng sản xuất, xây dựng nhà xưởng hợp lý, vừa phục vụ sản xuất, vừa thuận lợi cho quá trình giao thương, và có không gian cần thiết giới thiệu sản phẩm cho khách tham quan.

*(chi tiết theo Phụ lục IV đính kèm)*

### **1.3. Phát triển làng nghề gắn với du lịch**

Xây dựng những làng nghề có điều kiện lợi thế về vị trí địa lý, có các sản phẩm đặc trưng bố trí gắn với các tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh như:

- Tuyến du lịch Việt Trì - Xuân Sơn (*Việt Trì - Thanh Sơn - Tân Sơn*): Tập trung phát triển các làng nghề phục vụ du lịch tại huyện Thanh Sơn, Tân Sơn, giới thiệu các sản phẩm làng nghề: Rau Tân Đức, chè Dịch Quả, chè Văn Luông, quần áo thổ cẩm Kim Thượng (Tân Sơn);

- Tuyến du lịch Việt Trì - Đảo Ngọc (*Việt Trì - Tam Nông - Thanh Thủy*): Phát triển các sản phẩm làng nghề: Sản phẩm đan lát Thanh Uyên, mộc Hiền Quan, sơn Tam Nông, tương làng Bợ, sinh vật cảnh Tân Phương (Thanh Thủy);

- Tuyến du lịch Việt Trì - Phù Ninh - Đoan Hùng (đi Tuyên Quang, Yên Bái): Giới thiệu các sản phẩm làng nghề: Bún bánh Hùng Lô, nón lá Gia Thanh, chè Phú Hộ, mộc Vân Du, sinh vật cảnh Hùng Long;

- Tuyến du lịch Đền Hùng - Đền Mẫu Âu Cơ, đầm Ao Châu (*Việt Trì - Lâm Thao - Cẩm Khê - Hạ Hòa*): Tập trung phát triển các làng nghề, giới thiệu các sản phẩm làng nghề: Tương Dục Mỹ, rần Tứ Xã, nón lá Sai Nga, mỳ bún bánh Hiền Đa, chè Hạ Hòa.

**2. Đối với các làng nghề xây dựng mới:** Căn cứ điều kiện cụ thể, lợi thế của từng địa phương, khả năng truyền nghề, phát triển nghề... Xây dựng và đề nghị công nhận mới các làng nghề trong giai đoạn 2016 - 2020, tập trung 02 nhóm nghề ưu tiên, cụ thể:

- Nhóm nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản: Dự kiến công nhận mới 11 làng nghề.

Xây dựng và phát triển các làng nghề chế biến chè an toàn, ứng dụng công nghệ tiên tiến, tuân thủ các quy định trong quá trình sơ chế, chế biến, gắn với vùng nguyên liệu, tập trung tại các huyện: Phù Ninh, Thanh Ba, Yên Lập, Tân Sơn, Hạ Hòa.

Phát triển nghề chế biến lâm sản theo hướng: Chế biến nguyên liệu gỗ phục vụ xuất khẩu; chế biến gỗ thanh và ván bóc, tập trung tại các huyện: Hạ Hòa, Đoan Hùng.

Xây dựng các làng nghề chế biến nông sản có máy móc, thiết bị chế biến hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm với các sản phẩm đặc trưng như: bánh chưng, bánh giầy, nậm, mộc nhĩ... tại thành phố Việt Trì, huyện Lâm Thao.

- Nhóm nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ (đồ gỗ, mây tre đan...): Dự kiến công nhận mới 4 làng nghề.

Phát triển và nâng cấp về độ tinh xảo đối với các sản phẩm mộc theo hướng hàng hóa chất lượng cao tại huyện Thanh Ba, phát triển sản phẩm nón lá phục vụ du lịch tại huyện Cẩm Khê.

#### **IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN**

##### **1. Về thông tin tuyên truyền**

Tiếp tục tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành nghề nông thôn bằng nhiều hình thức, trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân biết và thực hiện.

##### **2. Về phát triển nguồn nguyên liệu**

- Ưu tiên phát triển các nguồn nguyên liệu có thế mạnh của Phú Thọ như nguyên liệu họ tre (giang, nứa, luồng...), nguyên liệu mây, nguyên liệu gỗ, nguyên liệu chè... để phát triển các làng nghề nông thôn. Khai thác, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương và sử dụng hợp lý, có hiệu quả;

- Khi quy hoạch vùng nguyên liệu cần tạo mối quan hệ gắn kết giữa việc đầu tư phát triển nguyên liệu với cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

##### **3. Về phát triển nguồn nhân lực**

- Chú trọng thực hiện thường xuyên việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với các nghề, làng nghề. Đào tạo nguồn nhân lực thông qua việc tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ thuật của chương trình khuyến nông, khuyến công, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới...;



- Tăng cường đào tạo kiến thức về kỹ thuật và thiết kế sản phẩm cho thợ thủ công; tổ chức các hoạt động hỗ trợ thiết kế cho các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; đối với làng nghề có biện pháp khuyến khích các nghệ nhân, thợ giỏi trong và ngoài tỉnh kèm cặp, bồi dưỡng truyền nghề cho lực lượng lao động trẻ thông qua các lớp đào tạo, tập huấn...;

- Chủ động tìm kiếm, phối hợp với các chương trình, dự án quốc tế để thu hút các chuyên gia và các tình nguyện viên về phát triển ngành nghề nông thôn, các chuyên gia về phát triển sản phẩm, chuyên gia kỹ thuật sản xuất và thị trường nhằm hỗ trợ cho đội ngũ giảng dạy các cơ sở dạy nghề và các làng nghề trên địa bàn tỉnh (JICA, EMPRETEC...).

#### **4. Về huy động nguồn lực**

- Phát huy tối đa nội lực của nhân dân địa phương và các thành phần kinh tế; đa dạng hoá các hình thức huy động vốn như: Vốn nhân rỗi trong dân, vốn tín dụng, vốn hỗ trợ của doanh nghiệp và các nguồn vốn khác...;

- Khuyến khích, vận động các cơ sở sản xuất thuộc làng nghề tăng vốn đầu tư nhằm mở rộng sản xuất, đầu tư máy móc hiện đại để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; đề nghị hệ thống ngân hàng, các tổ chức tín dụng trên địa bàn đẩy mạnh cho vay đầu tư phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, triển khai thực hiện có kết quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ.

### **V. NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

#### **1. Nhu cầu kinh phí**

Khái toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ phát triển làng nghề nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 là 18.860 triệu đồng (bình quân 3.772 triệu đồng/năm).

#### **2. Nội dung hỗ trợ**

- Hỗ trợ thâm định, công nhận mới làng nghề nông thôn: 550 triệu đồng. *(kinh phí theo Quyết định số 3529/2003/QĐ-UB ngày 21/10/2003 của UBND tỉnh Phú Thọ về chính sách khuyến khích phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh);*

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: 4.550 triệu đồng *(kinh phí hỗ trợ theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bố trí cho lao động trong làng nghề);*

- Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làng nghề: 1.560 triệu đồng *(kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh);*

- Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu sản phẩm làng nghề: 600 triệu đồng *(kinh phí*

*hỗ trợ theo chương trình của Sở Khoa học và Công nghệ);*

- Hỗ trợ xử lý môi trường làng nghề: 4.000 triệu đồng (*kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh*);

- Hỗ trợ phát triển sản xuất làng nghề: 6.000 triệu đồng (*kinh phí từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và chương trình khuyến công tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 theo Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của UBND tỉnh*);

- Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ: 1.600 triệu đồng (*kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm tham gia Hội chợ Làng nghề Việt Nam, do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức*).

### **3. Bố trí và sử dụng kinh phí**

Giao Sở Tài chính chủ trì, hàng năm cân đối các nguồn kinh phí, căn cứ các nội dung đề xuất trong kế hoạch trình UBND tỉnh xem xét, quyết định để tổ chức thực hiện.

*(Chi tiết theo Phụ lục V đính kèm)*

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Nông nghiệp và PTNT:** Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh hướng dẫn thực hiện kế hoạch phát triển các làng nghề giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh, các chính sách có liên quan đến làng nghề; đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, đặc biệt là nâng cao tay nghề cho thợ kỹ thuật, phát triển đội ngũ nghệ nhân có tay nghề cao.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh chỉ đạo các nội dung tăng cường quản lý làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT cân đối nguồn lực hỗ trợ cho các dự án, các chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

**3. Sở Tài chính:** Hàng năm xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí phục vụ phát triển làng nghề nông thôn trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**4. Sở Khoa học và Công nghệ:** Chủ trì hướng dẫn đăng ký sở hữu trí tuệ đối với làng nghề nông thôn đặc trưng, có lợi thế của tỉnh. Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cho các làng nghề nông thôn, hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu hàng hóa. Bố trí kinh phí cho các đề tài nghiên cứu

ứng dụng cải tiến mẫu mã, bao bì, đóng gói... cho sản phẩm làng nghề.

**5. Sở Công Thương:** Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc thực hiện Kế hoạch. Hàng năm, lựa chọn và hỗ trợ thực hiện mô hình trình diễn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật từ nguồn kinh phí khuyến công. Đẩy mạnh công tác hỗ trợ, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm làng nghề, hình thành các trung tâm giới thiệu sản phẩm làng nghề trong đó có làng nghề nông thôn.

**6. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Xây dựng kế hoạch quản lý, bảo vệ môi trường tại các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Kế hoạch phát triển làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Rà soát, hỗ trợ các làng nghề xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề.

**7. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:** Tổng hợp kế hoạch và hướng dẫn triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác đào tạo nghề, truyền nghề từ 3 tháng đến 1 năm.

**8. Cục Thống kê tỉnh:** Căn cứ danh mục ngành nghề nông thôn theo quy định, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi về ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

**9. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Phú Thọ:** Chỉ đạo các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các chủ dự án, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong làng nghề được vay vốn và được hưởng những ưu đãi về tín dụng theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn.

**10. Sở Thông tin và Truyền thông:** Chỉ đạo Công giao tiếp điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn, Đài truyền thanh, truyền hình cấp huyện tăng cường tin, bài tuyên truyền nhằm thúc đẩy phát triển làng nghề nông thôn của tỉnh.

**11. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Phú Thọ:** Phối hợp với các sở, ngành liên quan đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, giới thiệu phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn, giới thiệu các sản phẩm và các chuyên đề phục vụ phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

#### **12. UBND các huyện, thành, thị:**

- Xây dựng kế hoạch chi tiết phát triển làng nghề nông thôn giai đoạn 2016-2020 và từng năm đảm bảo phù hợp với kế hoạch của tỉnh; ngoài các làng nghề nông thôn trong lộ trình theo kế hoạch này, các huyện, thành, thị xây dựng kế hoạch lựa chọn thêm các làng nghề nông thôn để chỉ đạo, phân đấu công nhận nhằm đạt và vượt kế hoạch đề ra;

- Chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn; huy

động các nguồn lực từ cộng đồng dân cư kết hợp với nguồn kinh phí được hỗ trợ để phát triển các làng nghề theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt;

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch nêu trên. / *g*

**Nơi nhận:**

- Bộ NN và PTNT (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, PCVPTH;
- Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT, KTS<sub>(02b)(V-71b)</sub> *g*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Hải**

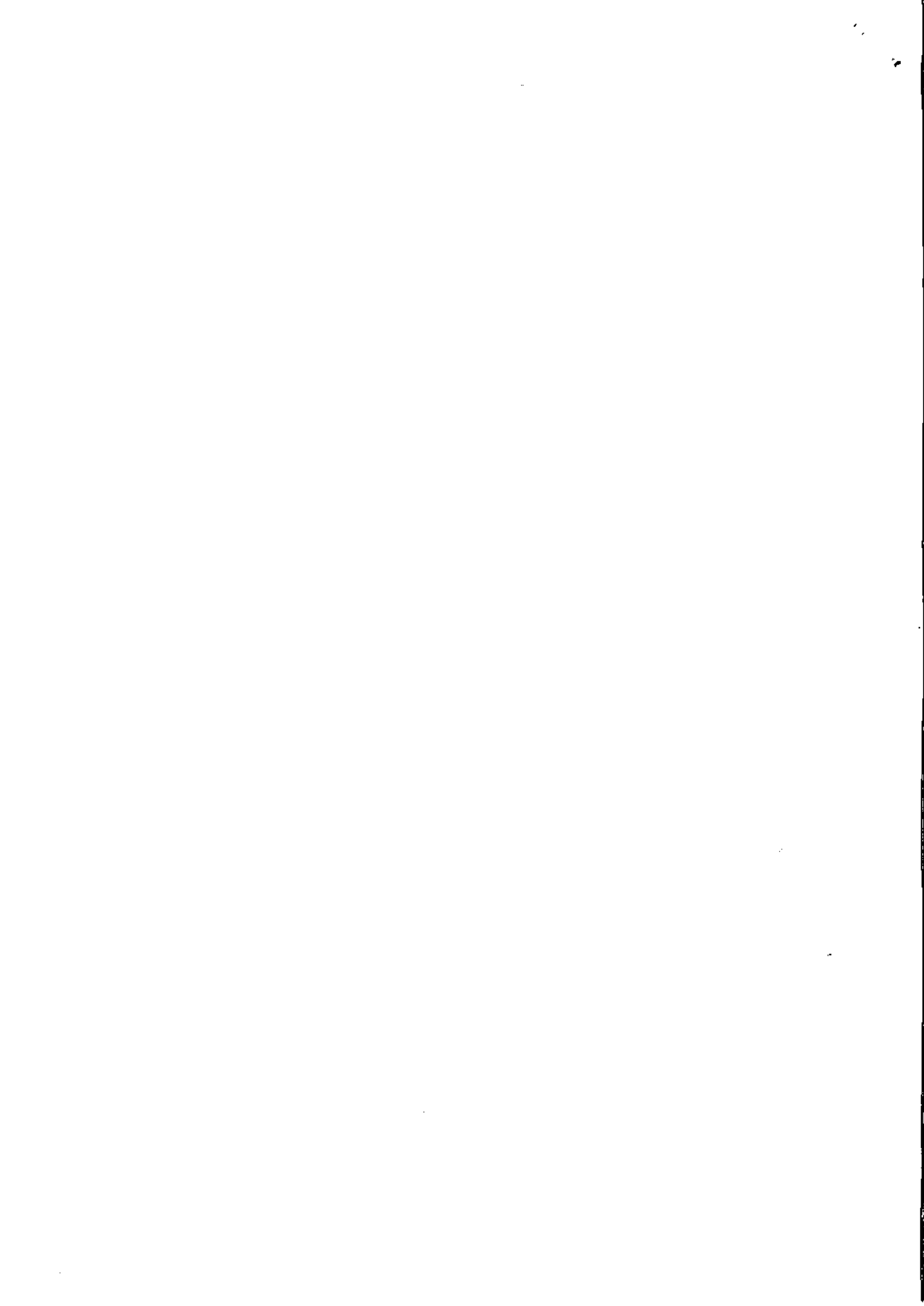


Phụ lục I

THỰC TRẠNG CÁC LÀNG NGHỀ NÔNG THÔN ĐÃ ĐƯỢC UBND TỈNH CÔNG NHẬN ĐẾN 31/12/2015  
(69 LÀNG NGHỀ CHIA THEO CÁC NHÓM NGÀNH NGHỀ)

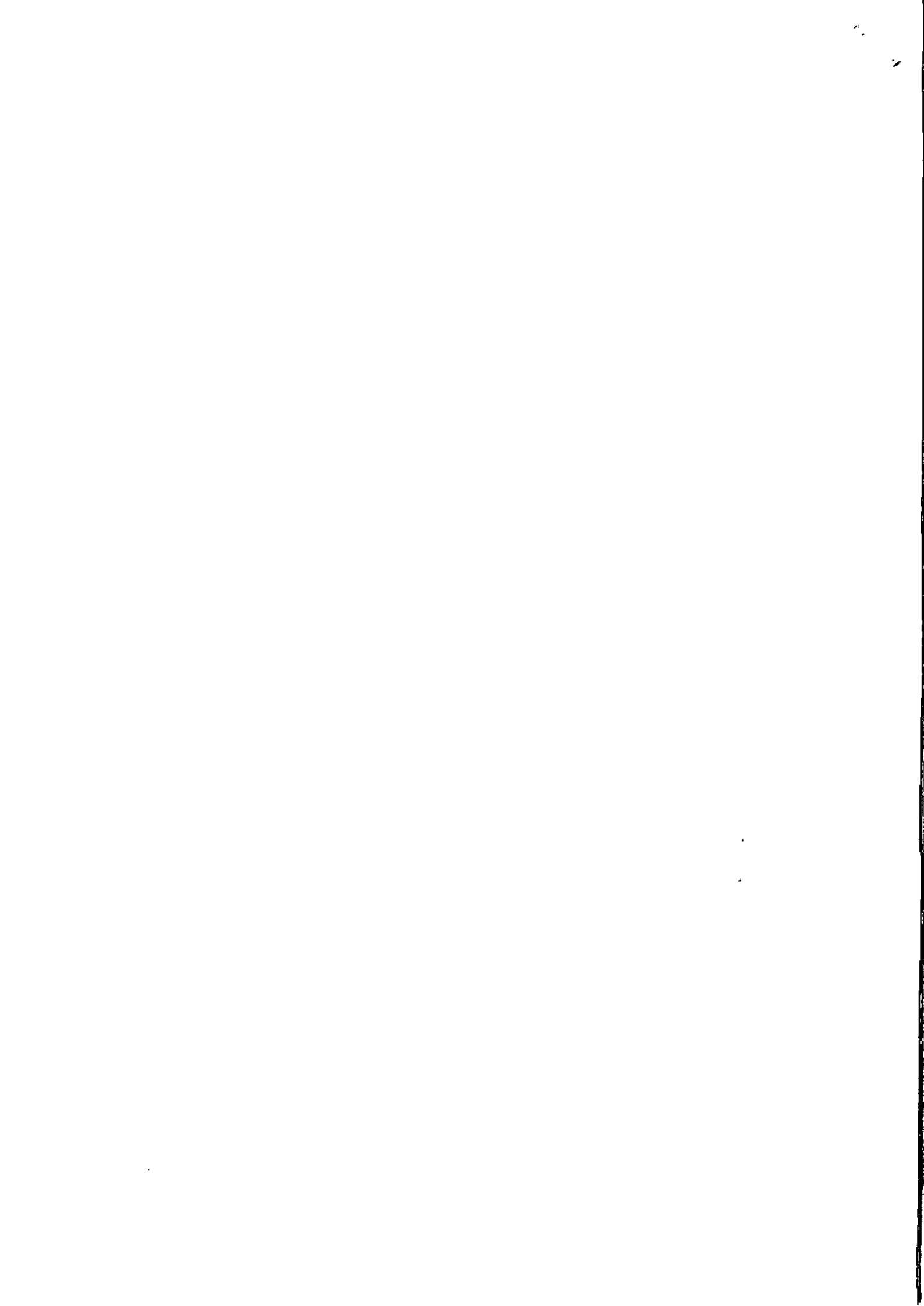
(Kèm theo Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

TT	Tên làng nghề, địa chỉ	Năm công nhận	Sản phẩm chính của làng nghề	Thị trường tiêu thụ	Doanh thu năm 2015 (tỷ đồng)	Lao động trong làng nghề (người)		Tình trạng hoạt động		LN đã đăng ký nhân hiệu SP
						Tổng số lao động	Trong đó: Lao động thường xuyên	Ổn định	Khó khăn	
I	Nhóm làng nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản				452,75	16.685	8.160			
1	Làng nghề chế biến thực phẩm Việt Tiến, xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa	2004	bún, bánh	Địa bàn huyện	2	60	40	x	0	0
2	Làng nghề chế biến thực phẩm Đoàn Kết xã Hùng Lô, TP Việt Trì	2004	bún, mì sợi	Việt Trì, Lâm Thao	8,7	742	140	x	0	0
3	Làng chế biến chè Vân Hùng, xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng	2004	Chè xanh	Địa bàn huyện	0,05	20	5	0	x	0
4	Làng nghề sản xuất chè Phú Thịnh, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa	2005	sản xuất chè	Địa bàn huyện	20	568	20	x	0	0
5	Làng nghề chế biến thực phẩm An Thọ, xã Vụ Quang, huyện Đoan Hùng	2005	Mì, bún, bánh	Địa bàn huyện	8,8	494	164	x	0	0
6	Làng nghề sản xuất chè Phú Ích, xã Hương Xạ, huyện Hạ Hòa	2006	sản xuất chè	Địa bàn huyện	1	65	30	x	0	0
7	Làng nghề sản xuất chè Chu Hùng, xã Âm Hạ, huyện Hạ Hòa	2006	sản xuất chè	Địa bàn huyện	0,05	20	5	0	x	0
8	Làng nghề tương Dục Mỹ, xã Cao Xá, huyện Lâm Thao	2006	Tương	Trong tỉnh	17	587	298	x	0	Tương Dục Mỹ
9	Làng nghề sản xuất chè Dốc Đen, xã Đông Lĩnh, huyện Thanh Ba	2006	Chè khô	Trong tỉnh	3,6	566	146	x	0	0

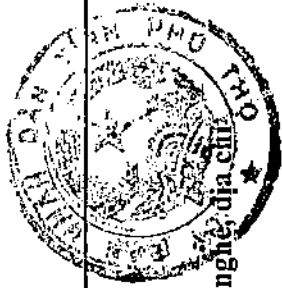




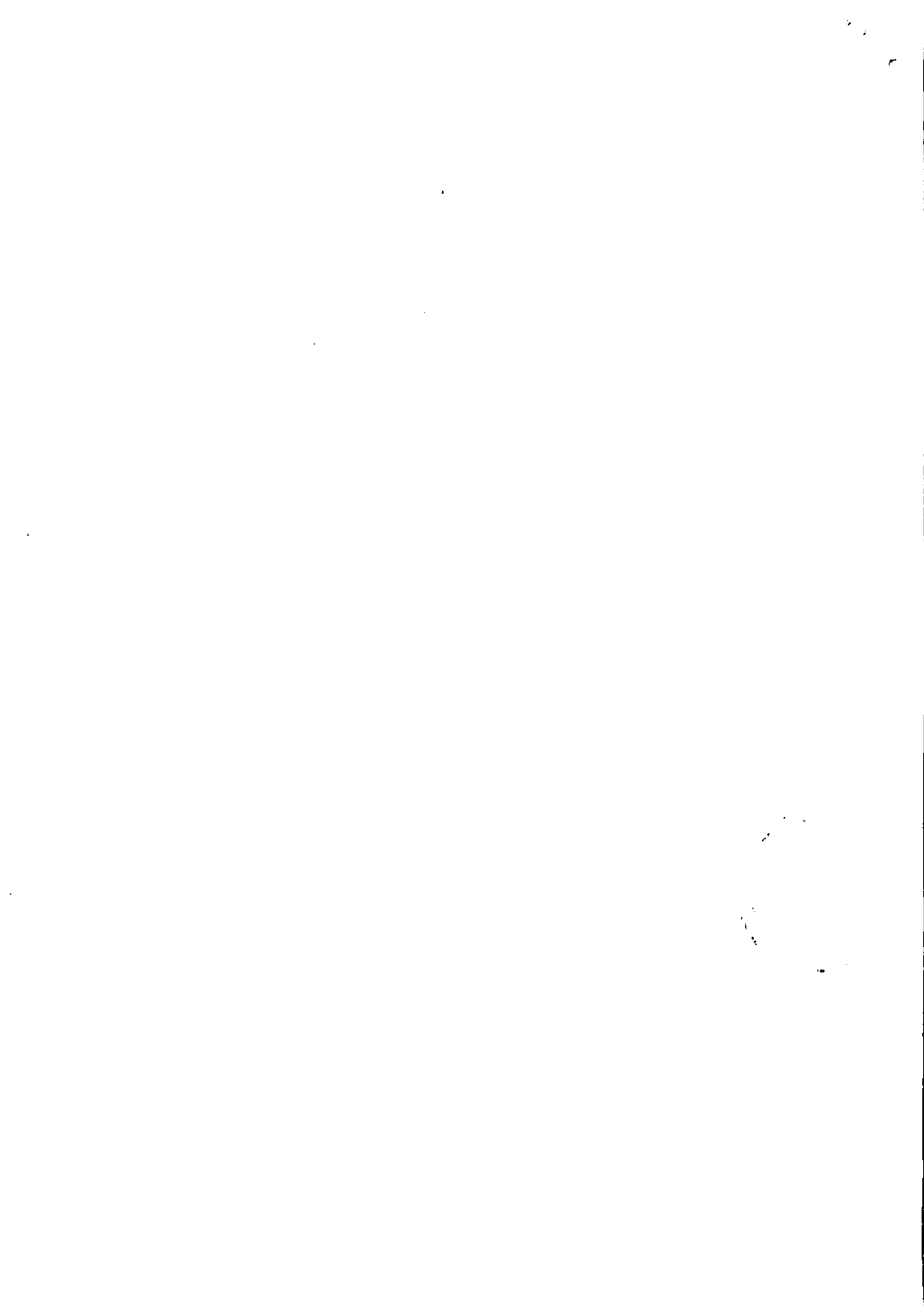
TT	Tên làng nghề, địa chỉ	Năm công nhận	Sản phẩm chính của làng nghề	Thị trường tiêu thụ	Doanh thu năm 2015 (tỷ đồng)	Lao động trong làng nghề (người)		Tình trạng hoạt động		LN đã đăng ký nhãn hiệu SP
						Tổng số lao động	Trong đó: Lao động thường xuyên	Ổn định	Khó khăn	
10	Làng nghề sản xuất chè Khuôn, xã Sơn Hùng, huyện Thanh Sơn	2006	Chè xanh	Trong tỉnh	5,8	585	140	x	0	0
11	Làng nghề chế biến NLS Tiên Phong, xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê	2008	Chế biến gỗ	Trong tỉnh	18	620	240	x	0	0
12	Làng nghề nuôi và chế biến rắn Tứ Xã, huyện Lâm Thao	2009	Rượu rắn, cao rắn, món ăn về rắn	Trong tỉnh	30	387	96	x	0	Rắn Tứ Xã
13	Làng nghề chè Chùa Tà, xã Tiên Phú, huyện Phú Ninh	2009	Chè xanh	Trong tỉnh	2,5	582	107	x	0	0
14	Làng sản xuất chế biến chè Đá Hen, xã Đông Lương, huyện Cẩm Khê	2010	Chè đen	Trong tỉnh	28	620	280	x	0	0
15	Làng chế biến mỳ bún bánh Thạch Đê, xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê	2010	Mỳ, bún, bánh	Trong tỉnh	18,8	485	80	x	0	0
16	Làng nghề sản xuất và chế biến chè Lê Lợi, xã Cáo Điền, huyện Hạ Hòa	2010	sản xuất chè	Trong và ngoài tỉnh	0,5	142	50	x	0	0
17	Làng rau an toàn Tân Đức, xã Tân Đức, TP Việt Trì	2010	Rau an toàn	Việt Trì	4,2	630	630	x	0	Rau Tân Đức
18	Làng nghề chế biến chè Đông Lão, xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn	2011	Chè xanh	Trong tỉnh	7	465	165	x	0	0
19	Làng nghề sản xuất và chế biến chè Ngọc Đồng, xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn	2011	Chè xanh	Trong tỉnh	7,5	462	162	x	0	0
20	Làng nghề nuôi và chế biến rắn Khuân Đậu, xã Trung Giáp, huyện Phú Ninh	2011	Rắn	Trong tỉnh	3,1	325	225	x	0	0
21	Làng nghề sản xuất và chế biến chè Thanh Hòa, xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa	2011	sản xuất chè	Trong tỉnh	0,05	45	5	0	x	0
22	Làng nghề sản xuất và CBNLS Công Nông, xã Hương Xạ, huyện Hạ Hòa	2011	Chế biến nông sản	Trong nước	31	382	94	x	0	0





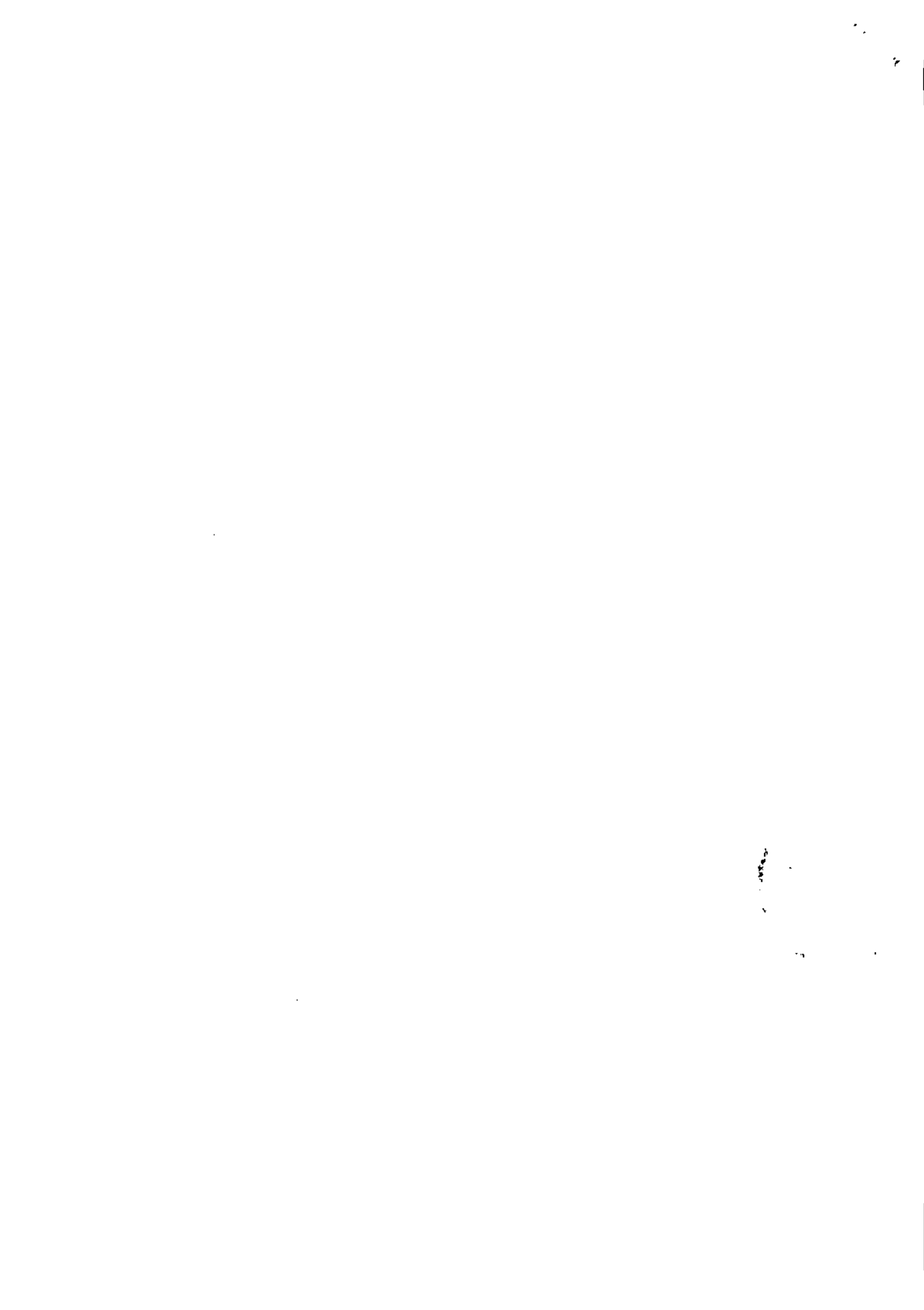


TT	Tên làng nghề, địa chỉ	Năm công nhận	Sản phẩm chính của làng nghề	Thị trường tiêu thụ	Doanh thu năm 2015 (tỷ đồng)	Lao động trong làng nghề (người)		Tình trạng hoạt động		LN đã đăng ký nhãn hiệu SP
						Tổng số lao động	Trong đó: Lao động thường xuyên	Ổn định	Khó khăn	
23	Làng nghề sản xuất và dịch vụ thủy sản Thủy Trạm, xã Sơn Thủy	2012	Giống thủy sản, cá thương phẩm	Trong và ngoài tỉnh	27	978	831	x	0	0
24	Làng nghề nuôi trồng và chế biến nấm, mộc nhĩ Đoàn Thượng, xã Đông Luân, huyện Thanh Thủy	2012	Nấm, mộc nhĩ giống	Trong và ngoài tỉnh	4,3	252	129	x	0	0
25	Làng nghề tương Bợ, xã Thạch Đồng, huyện Thanh Thủy	2012	Múc, tương	Trong và ngoài tỉnh	3,2	202	87	x	0	0
26	Làng nghề chế biến lâm sản Âm Hạ, xã Âm Hạ, huyện Hạ Hòa	2012	Chế biến lâm sản	Trong và ngoài nước	62	650	270	x	0	0
27	Làng nghề sản xuất sơn ta Xuân Quang, xã Xuân Quang, huyện Tam Nông	2013	Nhựa sơn	Trong và ngoài nước	14	526	253	x	0	0
28	Làng nghề sản xuất sơn đỏ Dị Nậu, xã Dị Nậu, huyện Tam Nông	2013	Nhựa sơn	Trong và ngoài nước	17	824	495	x	0	0
29	Làng nghề sản xuất sơn ta Thọ Xuyên, xã Thọ Văn, huyện Tam Nông	2013	Nhựa sơn	Trong và ngoài nước	16	738	526	x	0	0
30	Làng nghề sản xuất sơn Văn Lang, xã Văn Lương, huyện Tam Nông	2013	Nhựa sơn	Trong và ngoài nước	15	832	708	x	0	0
31	Làng nghề sản xuất bánh, bún và dịch vụ Hà Thạch, xã Hà Thạch, TX Phú Thọ	2013	bún, bánh các loại	Trong và ngoài thị	13,6	282	152	x	0	0
32	Làng nghề rau an toàn Phú Lợi, phường Trường Thịnh, TX Phú Thọ	2013	Rau an toàn	Trong và ngoài thị	6,6	474	229	x	0	0
33	Làng nghề rau an toàn Văn Phú, xã Sai Nga, huyện Cẩm Khê	2014	Rau an toàn	Trong tỉnh	5,8	1.167	731	x	0	0
34	Làng nghề sản xuất bún, bánh và DV xóm Chùa, xã Phú Nham, huyện Phù Ninh	2014	bún, bánh	Trong tỉnh	7,9	231	97	x	0	0
35	Làng nghề sản xuất và chế biến chè Phú Thịnh, xã Phú Hộ, TX Phú Thọ	2014	chè biến chế	Trong và ngoài thị	17	385	265	x	0	0



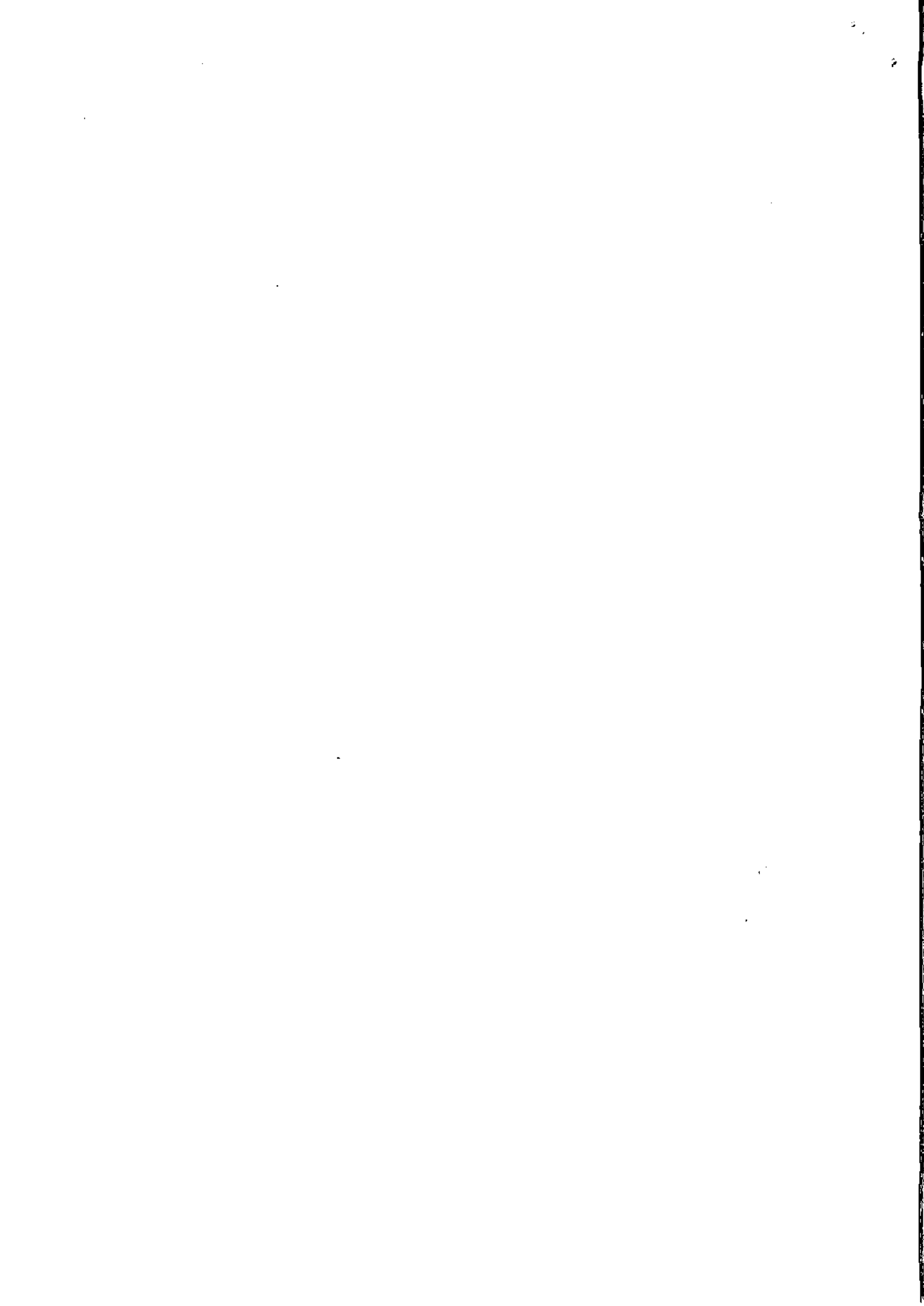


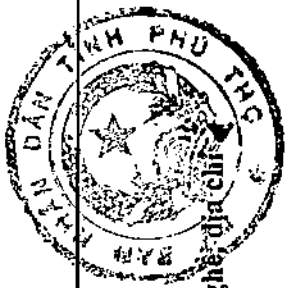
TT	Tên làng nghề, địa chỉ	Năm công nhận	Sản phẩm chính của làng nghề	Thị trường tiêu thụ	Doanh thu năm 2015 (tỷ đồng)	Lao động trong làng nghề (người)		Tình trạng hoạt động		LN đã đăng ký nhãn hiệu SP
						Tổng số lao động	Trong đó: Lao động thường xuyên	Ổn định	Khó khăn	
36	Làng nghề chế biến chè Hoàng Vân, xã Văn Lương, huyện Tân Sơn	2015	Chè khô	Trong tỉnh	6,7	57	57	x	0	0
37	Làng nghề chế biến chè Mai Thịnh, xã Dịch Quả, huyện Thanh Sơn	2015	Chè xanh	Trong tỉnh	8	124	122	x	0	0
38	Làng nghề chế biến lâm sản Trại Hải, xã Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng	2015	Chế biến lâm sản	Miền bắc	11	111	86	x	0	0
II	<b>Nhóm làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ (đồ gỗ, mây tre đan...)</b>				<b>488,7</b>	<b>10.125</b>	<b>5.979</b>			
39	Làng nghề mây tre đan Ngô Xá, xã Ngô Xá, huyện Cẩm Khê	2004	Đan lát	Địa bàn huyện	15	550	360	0	x	0
40	Làng nghề nón Sai Nga, xã Sai Nga, huyện Cẩm Khê	2004	Nón lá	Địa bàn huyện	47	610	380	x	0	0
41	Làng nghề đan lát Đồ Xuyên, xã Đồ Xuyên, huyện Thanh Ba	2004	Son mài, cốt, Mâm đôn	Nội địa	25	1.500	1.200	x	0	0
42	Làng nghề mộc Minh Đức, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông	2004	bàn ghế, tủ chè, tủ đứng...	Địa bàn huyện	18	394	305	x	0	0
43	Làng nghề mộc Dư Ba, xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê	2005	Chế biến gỗ	Trong tỉnh	32	630	300	x	0	0
44	Làng nghề mộc Phú Hà, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn	2005	mộc gia dụng	Trong tỉnh	31,6	521	273	x	0	0
45	Làng nghề đan lát Minh Hòa, xã Minh Hạc, huyện Hạ Hòa	2005	Đan lát	Địa bàn huyện	1,2	45	15	0	x	0
46	Làng nghề sản xuất nón lá làng Dền, xã Gia Thanh, huyện Phú Ninh	2005	Nón lá	Chợ quê	2	154	77	x	0	0
47	Làng Đan lát Ba Đông, xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	2005	Chùm tằm, vó, rổ rá	Trong tỉnh	21	753	555	x	0	0





TT	Tên làng nghề, địa chỉ	Năm công nhận	Sản phẩm chính của làng nghề	Thị trường tiêu thụ	Doanh thu năm 2015 (tỷ đồng)	Lao động trong làng nghề (người)		Tình trạng hoạt động		LN đã đăng ký nhãn hiệu SP
						Tổng số lao động	Trong đó: Lao động thường xuyên	Ổn định	Khó khăn	
48	Làng nghề đan lát Tùng Khê, xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê	2006	Đan lát, may nón	Trong tỉnh	14	550	300	0	x	0
49	Làng nghề đan lát Yên Khê, xã Yên Khê, huyện Thanh Ba	2008	Đọt tằm	Nội địa	12	380	180	x	0	0
50	Làng nghề dệt thổ cẩm Chiềng, xã Kim Thượng, huyện Tân Sơn	2008	Vải thổ cẩm	Địa bàn huyện	2	380	30	x	0	0
51	Làng nón lá Sơn Nga, xã Sơn Nga, huyện Cẩm Khê	2009	Nón lá	Trong tỉnh	14,9	650	270	x	0	0
52	Làng nghề TCMN và Ủ ám Sơn Vy, huyện Lâm Thao	2009	Ủ ám	Nội địa	21	70	30	x	0	Ủ ám Sơn Vy
53	Làng nghề dịch vụ sản xuất ngư cụ Thao Hà, xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa	2010	Ngư cụ	Trong và ngoài tỉnh	14	240	35	x	0	0
54	Làng nghề mộc Việt Tiến, xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao	2010	Tủ, sập, bàn ghế, đồ thờ	Nội địa	66	450	32	x	0	0
55	Làng nghề sản xuất đồ thờ cúng Hiền Đa, xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê	2011	Vàng mã	Trong tỉnh	10	110	85	x	0	0
56	Làng nghề đan lát khu Bắc, xã Hiền Quan, huyện Tam Nông	2011	Thúng, mùng, rong, nia...	Địa bàn huyện	31	1.036	861	x	0	0
57	Làng nghề mộc Vân Du - xã Vân Du, huyện Đoan Hùng	2011	Tủ, bàn ghế, giường	Miền bắc	75	660	400	x	0	0
58	Làng nghề chế biến gỗ thành khí và đồ mộc gia dụng Phù Lao, xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy	2014	Các loại gỗ và SP từ gỗ	Trong và ngoài tỉnh	36	442	291	x	0	0
III	<b>Nhóm làng nghề xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng</b>				21	370	148			
59	Làng nghề xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp Hưng Đạo, xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao	2009	Gạch granite, thợ xây	Trong tỉnh	10	181	50	x	0	0

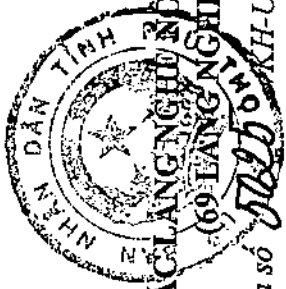




TT	Tên làng nghề địa chỉ	Năm công nhận	Sản phẩm chính của làng nghề	Thị trường tiêu thụ	Doanh thu năm 2015 (tỷ đồng)	Lao động trong làng nghề (người)		Tình trạng hoạt động		LN đã đăng ký nhãn hiệu SP
						Tổng số lao động	Trong đó: Lao động thường xuyên	Ổn định	Khó khăn	
60	Làng nghề xây dựng Do Nghĩa, xã Sơn Vy, huyện Lâm Thao	2010	Thợ xây	Trong tỉnh	11	189	98	x	0	0
IV	Nhóm làng nghề gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh				178,7	3.560	1.258			
61	Làng nghề trồng hoa làng Thượng, xã Tiên Du, huyện Phù Ninh	2009	Hoa tươi	Tự do	11	120	30	x	0	0
62	Làng sản xuất cá chép đỏ Thủy Trầm, xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê	2010	Cá chép đỏ	Trong, ngoài tỉnh	43,5	650	520	x	0	0
63	Làng nghề cây cảnh - dịch vụ An Mỹ, xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh	2012	Hoa, cây cảnh, gỗ lũa	Nội địa	15	234	15	x	0	0
64	Làng nghề sinh vật cảnh Trung Ngái, Thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	2012	Hoa, cây cảnh, chim cảnh	Trong và ngoài tỉnh	23,4	497	197	x	0	0
65	Làng nghề trồng hoa đào Hồng Vân, xã Thanh Minh, TX Phú Thọ	2012	Đào góc	Trong và ngoài thị	18,5	335	100	x	0	0
66	Làng nghề hoa đào Nhà Nít, xã Thanh Đình, TP Việt Trì	2013	Đào góc	Việt Trì, Lâm Thao	18,3	552	152	x	0	0
67	Làng nghề hoa đào Long Ân, xã Hà Lộc, TX Phú Thọ	2013	Đào góc	Trong và ngoài thị	21	547	142	x	0	0
68	Làng nghề hoa và cây cảnh Hùng Long, xã Hùng Long, huyện Đoan Hùng	2014	Hoa, quất, si cảnh...	Tự do	12,5	450	63	x	0	0
69	Làng nghề hoa và cây cảnh Phương Viên, xã Tân Phương, huyện Thanh Thủy	2014	Các loại hoa, cây cảnh	Trong và ngoài tỉnh	15,5	175	39	x	0	0
	<b>Tổng</b>				<b>1.141,15</b>	<b>30.740</b>	<b>15.545</b>	<b>63</b>	<b>6</b>	<b>4</b>







Phụ lục II

**THỰC TRẠNG CÁC LÀNG NGHỀ TRONG THÔN ĐÁ ĐƯỢC UBND TỈNH CÔNG NHẬN ĐẾN 31/12/2015**  
**(69 LÀNG NGHỀ CHIA THEO CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ)**

(Kèm theo Kế hoạch số 5220/KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

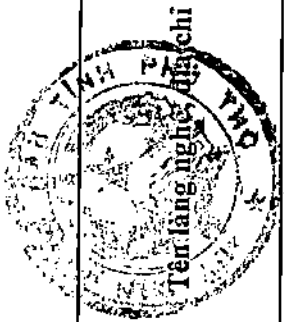
TT	Tên làng nghề, địa chỉ	Năm công nhận	Doanh thu năm 2015 (tỷ đồng)	Lao động trong làng nghề (người)	
				Tổng số lao động	Trong đó: Lao động thường
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>1.141,15</b>	<b>30.740</b>	<b>15.545</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Cẩm Khê (11 làng nghề)</b>		<b>247</b>	<b>6.642</b>	<b>3.546</b>
1	Làng nghề mây tre đan Ngô Xá, xã Ngô Xá, huyện Cẩm Khê	2004	15	550	360
2	Làng nghề nón Sai Nga, xã Sai Nga, huyện Cẩm Khê	2004	47	610	380
3	Làng nghề mộc Dư Ba, xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê	2005	32	630	300
4	Làng nghề đan lát Tùng Khê, xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê	2006	14	550	300
5	Làng nghề chế biến NLS Tiên Phong, xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê	2008	18	620	240
6	Làng nón lá Sơn Nga, xã Sơn Nga, huyện Cẩm Khê	2009	14,9	650	270
7	Làng sản xuất cá chép đỏ Thủy Trâm, xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê	2010	43,5	650	520
8	Làng sản xuất chế biến chè Đá Hen, xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê	2010	28	620	280
9	Làng chế biến mỳ bún bánh Thạch Đê, xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê	2010	18,8	485	80
10	Làng nghề sản xuất đồ thờ cúng Hiền Đa, xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê	2011	10	110	85
11	Làng nghề rau an toàn Văn Phú, xã Sai Nga, huyện Cẩm Khê	2014	5,8	1.167	731
<b>II</b>	<b>Huyện Hạ Hòa (10 làng nghề)</b>		<b>131,8</b>	<b>2217</b>	<b>564</b>
1	Làng nghề chế biến thực phẩm Việt Tiến, xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa	2004	2	60	40
2	Làng nghề sản xuất chè Phú Thịnh, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa	2005	20	568	20



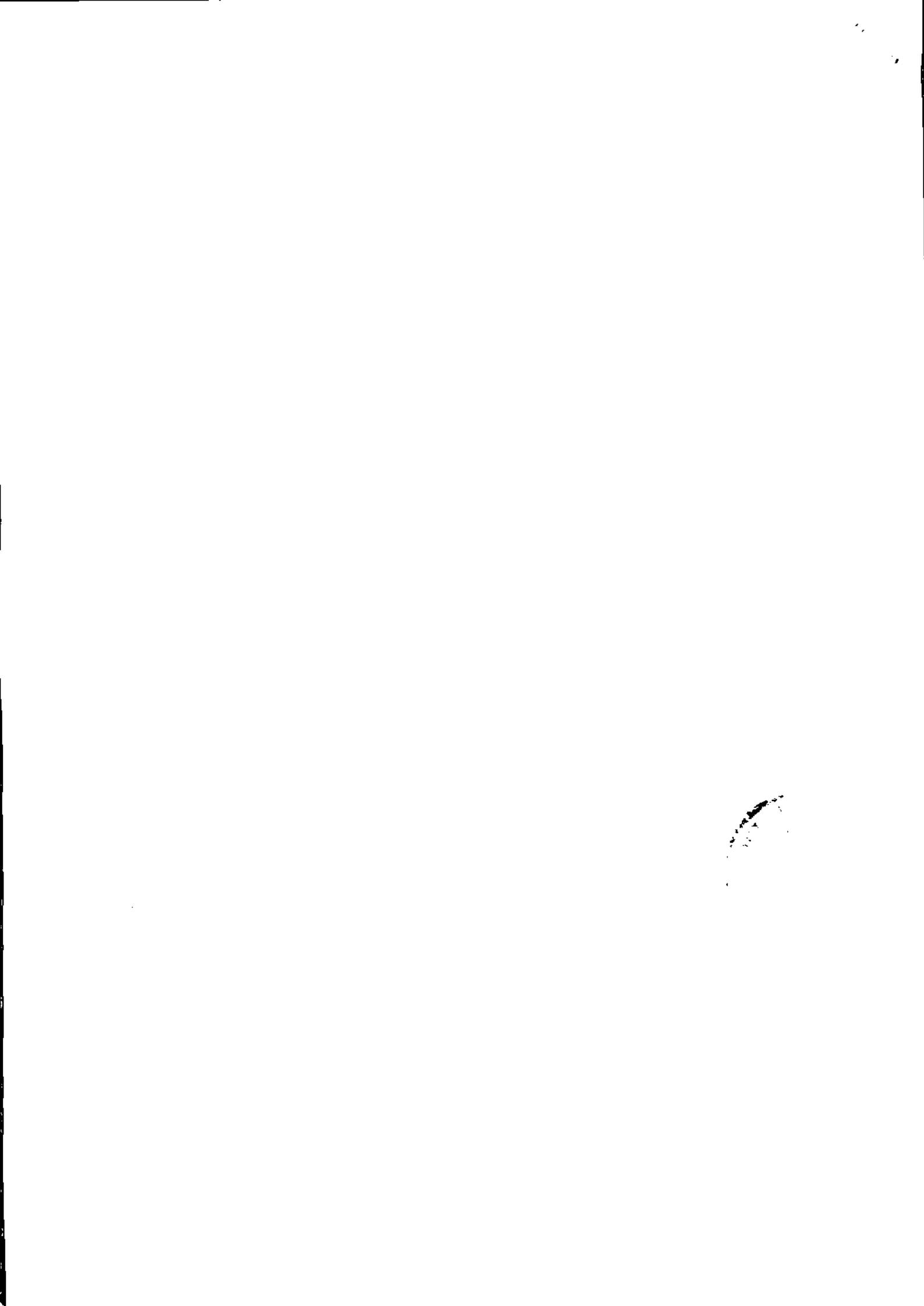


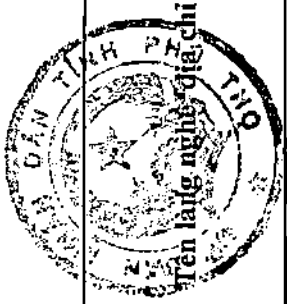
TT	Tên làng nghề, địa chỉ	Năm công nhận	Doanh thu năm 2015 (tỷ đồng)	Lao động trong làng nghề (người)	
				Tổng số lao động	Trong đó: Lao động thường
3	Làng nghề đan lát Minh Hòa, xã Minh Hạc, huyện Hạ Hòa	2005	1,2	45	15
4	Làng nghề sản xuất chè Phú Ích, xã Hương Xạ, huyện Hạ Hòa	2006	1	65	30
5	Làng nghề sản xuất chè Chu Hưng, xã Âm Hạ, huyện Hạ Hòa	2006	0,05	20	5
6	Làng nghề sản xuất và chế biến chè Lê Lợi, xã Cáo Điền, huyện Hạ Hòa	2010	0,5	142	50
7	Làng nghề dịch vụ sản xuất ngư cụ Thao Hà, xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa	2010	14	240	35
8	Làng nghề sản xuất và chế biến chè Thanh Hòa, xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa	2011	0,05	45	5
9	Làng nghề sản xuất và CBNLS Công Nông, xã Hương Xạ, huyện Hạ Hòa	2011	31	382	94
10	Làng nghề chế biến lâm sản Âm Hạ, xã Âm Hạ, huyện Hạ Hòa	2012	62	650	270
III	<b>Huyện Tam Nông (06 làng nghề)</b>		<b>111</b>	<b>4350</b>	<b>3148</b>
1	Làng nghề mộc Minh Đức, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông	2004	18	394	305
2	Làng nghề đan lát khu Bắc, xã Hiền Quan, huyện Tam Nông	2011	31	1.036	861
3	Làng nghề sản xuất sơn ta Xuân Quang, xã Xuân Quang, huyện Tam Nông	2013	14	526	253
4	Làng nghề sản xuất sơn đỏ Dị Nậu, xã Dị Nậu, huyện Tam Nông	2013	17	824	495
5	Làng nghề sản xuất sơn ta Thọ Xuyên, xã Thọ Văn, huyện Tam Nông	2013	16	738	526
6	Làng nghề sản xuất sơn Văn Lang, xã Văn Lương, huyện Tam Nông	2013	15	832	708
IV	<b>Huyện Phú Ninh (06 làng nghề)</b>		<b>41,5</b>	<b>1646</b>	<b>551</b>
1	Làng nghề sản xuất nón lá làng Dền, xã Gia Thanh, huyện Phú Ninh	2005	2	154	77
2	Làng nghề trồng hoa làng Thượng, xã Tiên Du, huyện Phú Ninh	2009	11	120	30
3	Làng nghề chè Chùa Tà, xã Tiên Phú, huyện Phú Ninh	2009	2,5	582	107
4	Làng nghề nuôi và chế biến rắn Khuân Dấu, xã Trung Giáp, huyện Phú Ninh	2011	3,1	325	225





TT	Tên làng nghề tiêu chí	Năm công nhận	Doanh thu năm 2015 (tỷ đồng)	Lao động trong làng nghề (người)	
				Tổng số lao động	Trong đó: Lao động thường
5	Làng nghề sản xuất bún, bánh và DV xóm Chùa, xã Phú Nham, huyện Phù Ninh	2014	7,9	231	97
6	Làng nghề cây cảnh - dịch vụ An Mỹ, xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh	2012	15	234	15
<b>V</b>	<b>Huyện Thanh Thủy (06 làng nghề)</b>		<b>107</b>	<b>2802</b>	<b>1932</b>
1	Làng Đan lát Ba Đông, xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	2005	21	753	555
2	Làng nghề sản xuất và dịch vụ thủy sản Thủy Trạm, xã Sơn Thủy	2012	27	978	831
3	Làng nghề nuôi trồng và chế biến nấm, mộc nhĩ Doan Thượng, xã Đông Luận, huyện Thanh Thủy	2012	4,3	252	129
4	Làng nghề tương Bọ, xã Thạch Đông, huyện Thanh Thủy	2012	3,2	202	87
5	Làng nghề chế biến gỗ thành khí và đồ mộc gia dụng Phù Lao, xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy	2014	36	442	291
6	Làng nghề hoa và cây cảnh Phương Viên, xã Tân Phương, huyện Thanh Thủy	2014	15,5	175	39
<b>VI</b>	<b>Huyện Lâm Thao (06 làng nghề)</b>		<b>155</b>	<b>1864</b>	<b>604</b>
1	Làng nghề tương Dục Mỹ, xã Cao Xá, huyện Lâm Thao	2006	17	587	298
2	Làng nghề nuôi và chế biến rắn Từ Xá, huyện Lâm Thao	2009	30	387	96
3	Làng nghề TCMN và Ủ ám Sơn Vy, huyện Lâm Thao	2009	21	70	30
4	Làng nghề xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp Hưng Đạo, xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao	2009	10	181	50
5	Làng nghề mộc Việt Tiến, xã Từ Xá, huyện Lâm Thao	2010	66	450	32
6	Làng nghề xây dựng Do Nghĩa, xã Sơn Vy, huyện Lâm Thao	2010	11	189	98
<b>VII</b>	<b>Huyện Thanh Sơn (05 làng nghề)</b>		<b>59,9</b>	<b>2157</b>	<b>862</b>

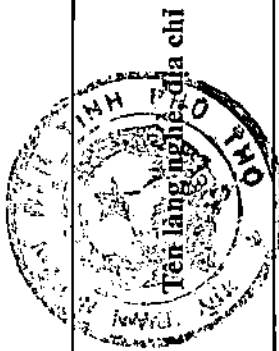




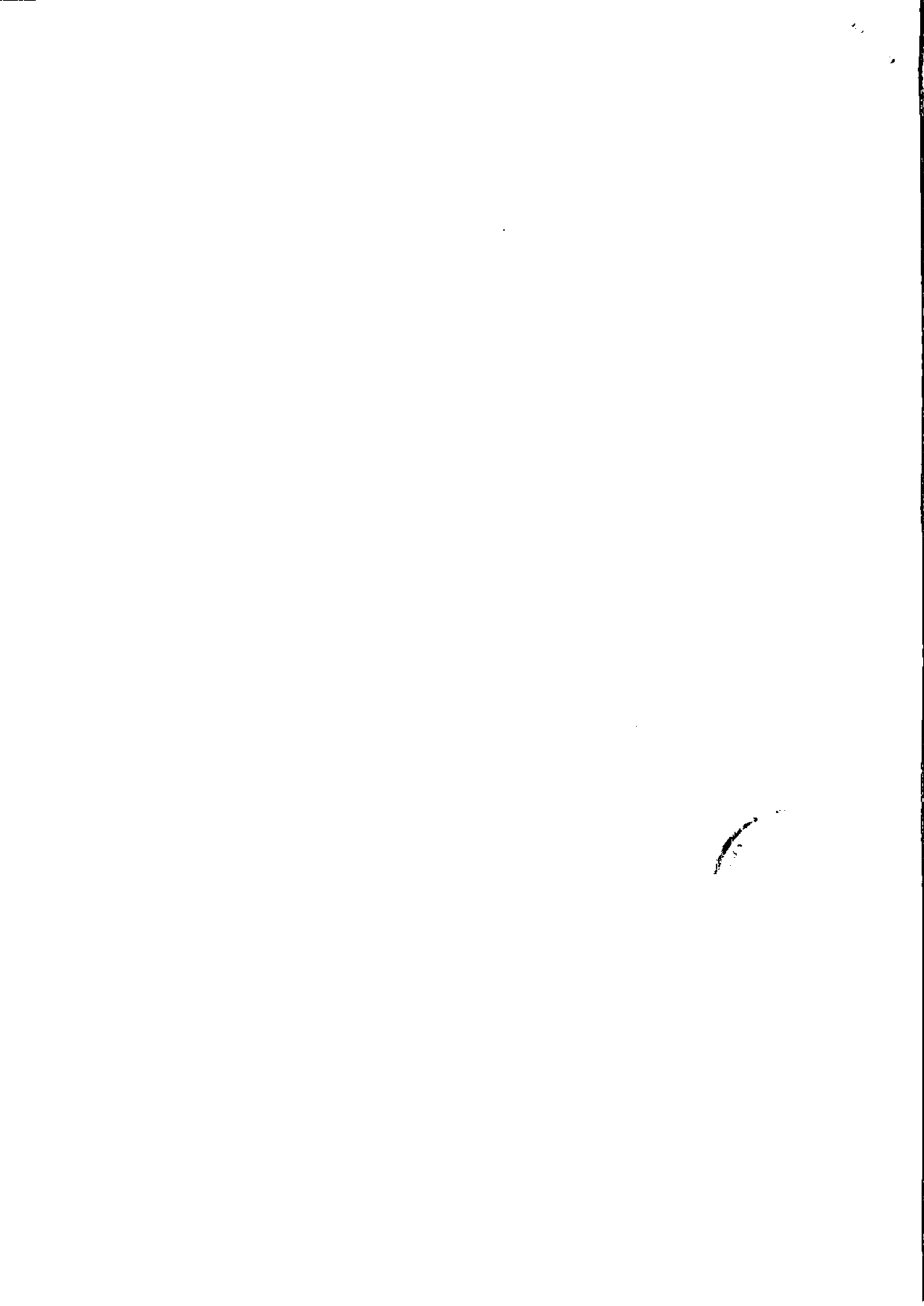
TT	Mô tả làng nghề	Năm công nhận	Doanh thu năm 2015 (tỷ đồng)	Lao động trong làng nghề (người)	
				Tổng số lao động	Trong đó: Lao động thường
1	Làng nghề mộc Phú Hà, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn	2005	31,6	521	273
2	Làng nghề sản xuất chè Khuôn, xã Sơn Hùng, huyện Thanh Sơn	2006	5,8	585	140
3	Làng nghề chế biến chè Đồng Lão, xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn	2011	7	465	165
4	Làng nghề sản xuất và chế biến chè Ngọc Đồng, xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn	2011	7,5	462	162
5	Làng nghề chế biến chè Mai Thịnh, xã Định Quả, huyện Thanh Sơn	2015	8	124	122
<b>VIII</b>	<b>Huyện Đoan Hùng (05 làng nghề)</b>		<b>107,35</b>	<b>1735</b>	<b>718</b>
1	Làng chế biến chè Vân Hùng, xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng	2004	0,05	20	5
2	Làng nghề chế biến thực phẩm An Thọ, xã Vụ Quang, huyện Đoan Hùng	2005	8,8	494	164
3	Làng nghề mộc Vân Du - xã Vân Du, huyện Đoan Hùng	2011	75	660	400
4	Làng nghề hoa và cây cảnh Hùng Long, xã Hùng Long, huyện Đoan Hùng	2014	12,5	450	63
5	Làng nghề chế biến lâm sản Trại Hái, xã Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng	2015	11	111	86
<b>IX</b>	<b>Thị xã Phú Thọ (05 làng nghề)</b>		<b>76,7</b>	<b>2023</b>	<b>888</b>
1	Làng nghề trồng hoa đào Hồng Vân, xã Thanh Minh, TX Phú Thọ	2012	18,5	335	100
2	Làng nghề hoa đào Long Ân, xã Hà Lộc, TX Phú Thọ	2013	21	547	142
3	Làng nghề sản xuất bánh, bún và dịch vụ Hà Thạch, xã Hà Thạch, TX Phú Thọ	2013	13,6	282	152
4	Làng nghề rau an toàn Phú Lợi, phường Trường Thịnh, TX Phú Thọ	2013	6,6	474	229
5	Làng nghề sản xuất và chế biến chè Phú Thịnh, xã Phú Hộ, TX Phú Thọ	2014	17	385	265
<b>X</b>	<b>Thành phố Việt Trì (03 làng nghề)</b>		<b>31,2</b>	<b>1924</b>	<b>922</b>
1	Làng nghề chế biến thực phẩm Đoàn Kết xã Hùng Lô, TP Việt Trì	2004	8,7	742	140







TT	Tên làng nghề địa chủ	Năm công nhận	Doanh thu năm 2015 (tỷ đồng)	Lao động trong làng nghề (người)	
				Tổng số lao động	Trong đó: Lao động thường
2	Làng rau an toàn Tân Đức, xã Tân Đức, TP Việt Trì	2010	4,2	630	630
3	Làng nghề hoa đào Nhà Nút, xã Thanh Đình, TP Việt Trì	2013	18,3	552	152
<b>XI</b>	<b>Huyện Thanh Ba ( 03 làng nghề)</b>		<b>40,6</b>	<b>2446</b>	<b>1526</b>
1	Làng nghề đan lát Đổ Xuyên, xã Đổ Xuyên, huyện Thanh Ba	2004	25	1.500	1.200
2	Làng nghề sản xuất chè Dốc Đen, xã Đông Lĩnh, huyện Thanh Ba	2006	3,6	566	146
3	Làng nghề đan lát Yên Khê, xã Yên Khê, huyện Thanh Ba	2008	12	380	180
<b>XII</b>	<b>Huyện Tân Sơn (02 làng nghề)</b>		<b>8,7</b>	<b>437</b>	<b>87</b>
1	Làng nghề dệt thổ cẩm Chiềng, xã Kim Thượng, huyện Tân Sơn	2008	2	380	30
2	Làng nghề chế biến chè Hoàng Vân, xã Văn Lương, huyện Tân Sơn	2015	6,7	57	57
<b>XIII</b>	<b>Huyện Yên Lập (01 làng nghề)</b>		<b>23,4</b>	<b>497</b>	<b>197</b>
1	Làng nghề sinh vật cảnh Trung Ngải, Thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	2012	23,4	497	197



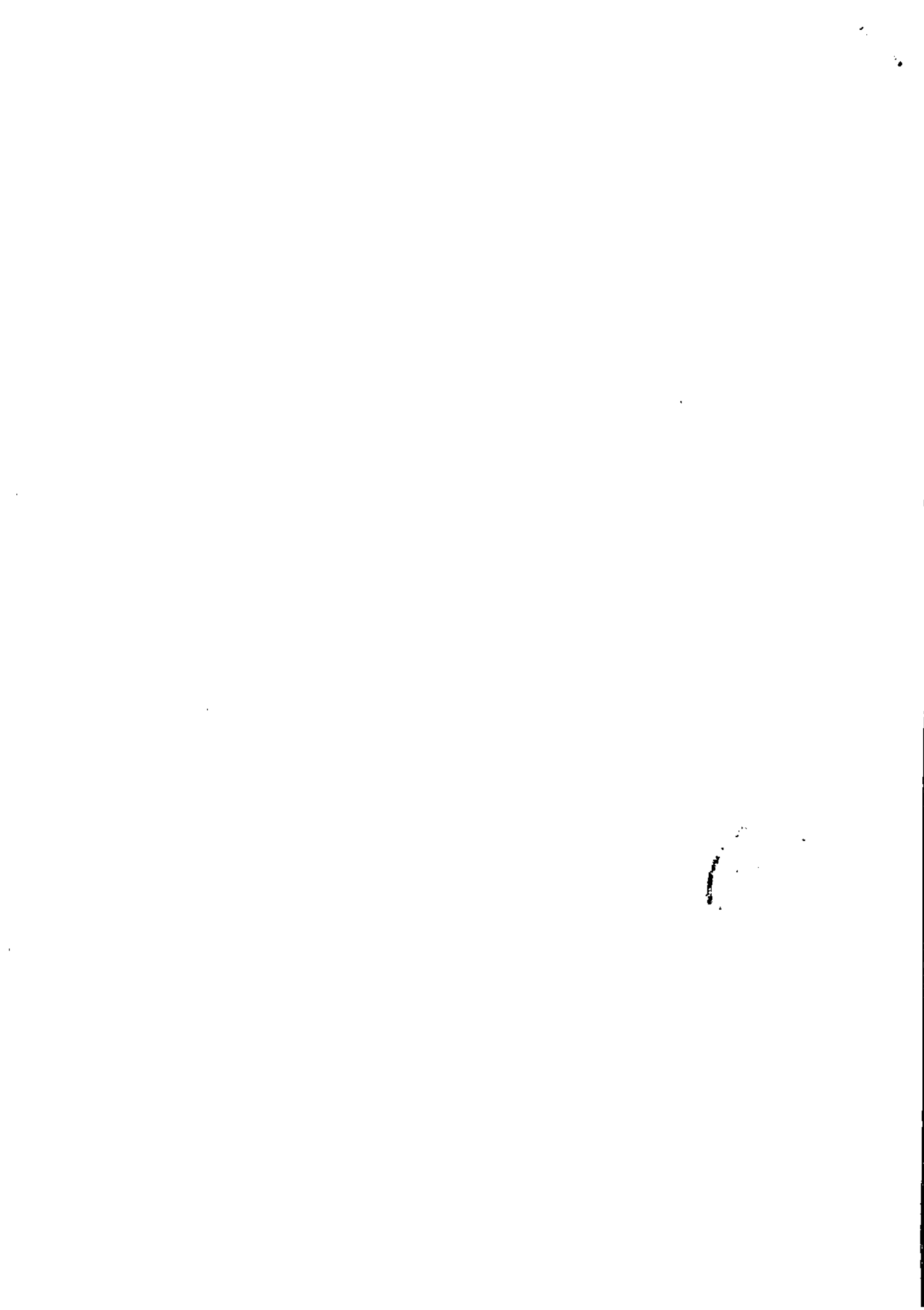


Phụ lục III

**KẾ HOẠCH XÂY DỰNG LÀNG NGHỀ NÔNG THÔN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Kèm theo Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

TT	Tên làng nghề	Địa chỉ	Năm dự kiến công nhận
1	Làng nghề bánh chưng bánh giầy Khu 2	Khu 2 - xã Hùng Lô - thành phố Việt Trì	2016
2	Làng nghề chế biến lâm sản Hà Lương	Xã Hà Lương - huyện Hạ Hòa	2016
3	Làng nghề nón lá Thanh Nga	Xã Thanh Nga - huyện Cẩm Khê	2016
4	Làng nghề chế biến chè Mỹ Thuận	Xã Mỹ Thuận - huyện Tân Sơn	2017
5	Làng nghề chế biến lâm sản Quế Lâm	Xã Quế Lâm - huyện Đoan Hùng	2017
6	Làng nghề nuôi và chế biến cá lồng sông Bứa	Xã Quang Húc - huyện Tam Nông	2017
7	Làng nghề chế biến chè Phương Viên	Xã Phương Viên - huyện Hạ Hòa	2018
8	Làng nghề sản xuất, chế biến nấm, mộc nhĩ Làng Trại	Xã Đoan Hạ - huyện Thanh Thủy	2018
9	Làng nghề chế biến chè Lệ Mỹ	Xã Lệ Mỹ - huyện Phù Ninh	2018
10	Làng nghề chế biến chè Năng Yên	Xã Năng Yên - huyện Thanh Ba	2019
11	Làng nghề chế biến lâm sản Đại Phạm	Xã Đại Phạm - huyện Hạ Hòa	2019
12	Làng nghề nón lá Tùng Khê	Xã Tùng Khê - huyện Cẩm Khê	2019
13	Làng nghề mộc Thái Ninh	Xã Thái Ninh - huyện Thanh Ba	2020
14	Làng nghề sản xuất, chế biến chè Lương Sơn	Xã Lương Sơn - huyện Yên Lập	2020
15	Làng nghề mộc Hưng Long	Xã Đông Thành - huyện Thanh Ba	2020



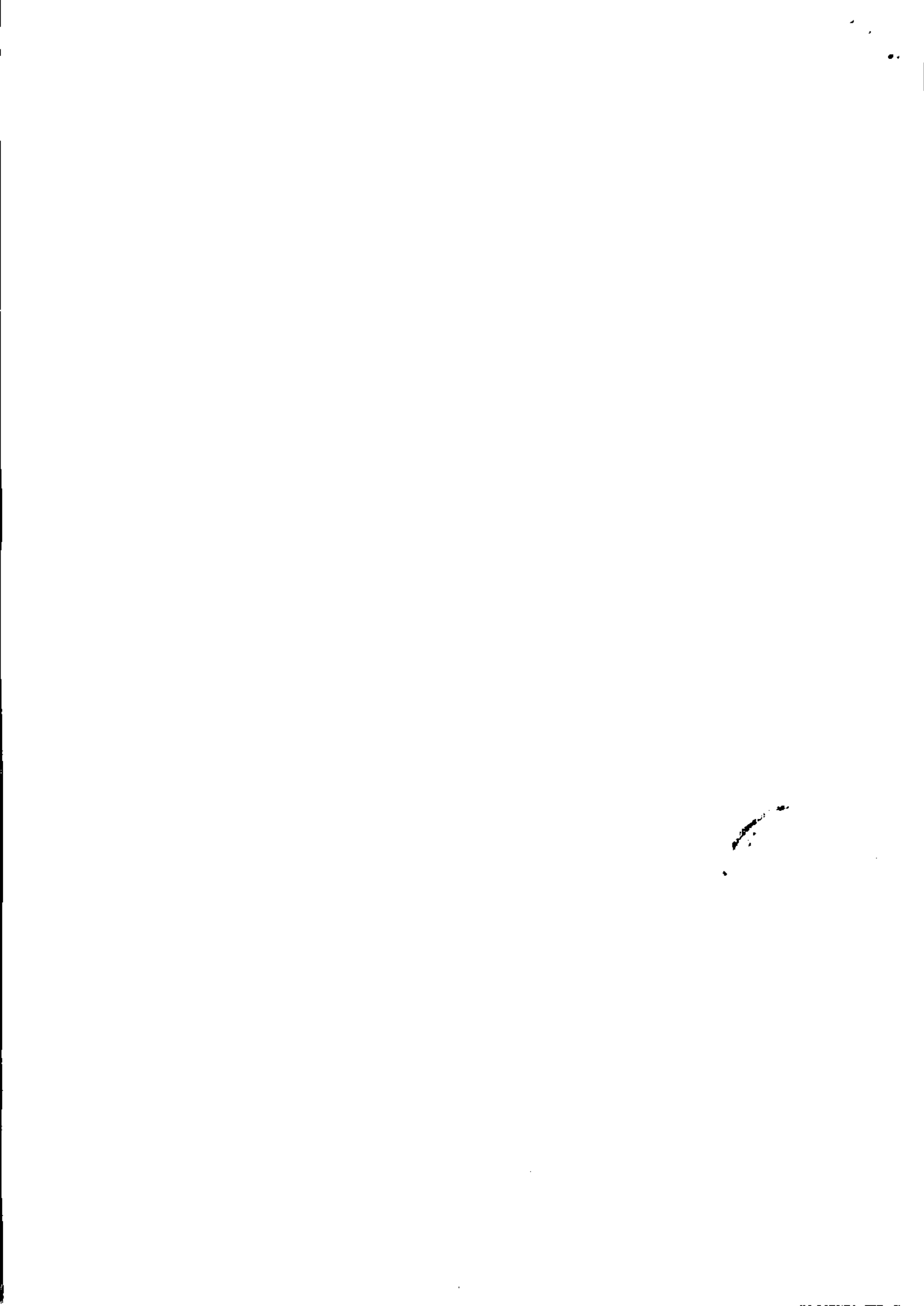


Phụ lục IV

**XÂY DỰNG LĂNG NGHỆP ĐÀN VỚI CỤM CÔNG NGHIỆP, TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP**

(Kèm theo Kế hoạch số 52/2016/KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

TT	Địa phương	Tên cụm công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp - làng nghề
1	Thành phố Việt Trì (03 cụm)	Cụm Bạch Hạc, cụm Phụng Lâu 1, cụm Phụng Lâu 2
2	Huyện Phù Ninh (02 cụm)	Cụm Đồng Lạng, cụm Phú Gia
3	Thị xã Phú Thọ (02 cụm)	Cụm Thanh Vinh, cụm Thanh Minh
4	Huyện Lâm Thao (02 cụm)	Cụm Hợp Hải - Kinh Kê, cụm Thị trấn Lâm Thao (Sơn Vỹ)
5	Huyện Đoan Hùng (02 cụm)	Cụm Sóc Đăng, cụm Ngọc Quan
6	Huyện Thanh Ba (02 cụm)	Cụm Nam TT Thanh Ba, cụm Bãi Ba - Đông Thành
7	Huyện Tam Nông (01 cụm)	Cụm Cỏ Tiết
8	Huyện Cẩm Khê (01 cụm)	Cụm Thị trấn Sông Thao
9	Huyện Hạ Hòa (01 cụm)	Cụm Thị trấn Hạ Hòa
10	Huyện Thanh Thủy (01 cụm)	Cụm Hoàng Xá
11	Huyện Yên Lập (02 cụm)	Cụm Thị trấn Yên Lập, cụm Lương Sơn
12	Huyện Thanh Sơn (01 cụm)	Cụm Giáp Lai
13	Huyện Tân Sơn (01 cụm)	Cụm Tân Phú





Phụ lục V

**NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Kế hoạch số 2326/KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

TT	Nội dung hỗ trợ	Kết quả thực hiện giai đoạn 2011 - 2015						Nhu cầu kinh phí đề nghị hỗ trợ giai đoạn 2016 - 2020												Đơn vị chủ trì	Ghi chú (mức đề nghị hỗ trợ bình quân)
		Đơn vị tính	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng giai đoạn						
					Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)					
1	Hỗ trợ thăm định, công nhận mới làng nghề nông thôn	Làng	32	1.000	3	110	3	110	3	110	3	110	3	110	15	550	Sở NN và PTNT	30 tr./làng			
2	Đào tạo nghề cho lao động làng nghề	Người	2.169	4.620	210	525	280	700	350	875	420	1.050	560	1.400	1.820	4.550	Sở NN và PTNT, Sở LĐ TB và XH	2,5 tr./người			
3	Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làng nghề nông thôn	Lượt người	90	135	120	180	160	240	220	330	260	390	280	420	1.040	1.560	Sở NN và PTNT	50 tr./lớp tập huấn			
4	Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu sản phẩm	nhãn hiệu	4	120	2	60	3	90	4	120	5	150	6	180	20	600	Sở Khoa học và Công nghệ	30 tr./nhãn hiệu			
5	Hỗ trợ xử lý môi trường làng nghề	Làng	-	0	3	600	4	800	4	800	4	800	5	1.000	20	4.000	Sở Tài nguyên và MT	200 tr./làng			
6	Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển sản xuất làng nghề	Mô hình	-	5.680	10	1.200	10	1.200	10	1.200	10	1.200	10	1.200	50	6.000	Sở NN và PTNT; Sở Công thương	120 tr./đ/NH			
7	Hỗ trợ tham gia Hội chợ trong nước	Lượt làng nghề	60	640	10	200	15	300	15	300	20	400	20	400	80	1.600	Sở NN và PTNT; Sở Công thương	20 tr./lượt LN			
	<b>Tổng</b>			<b>12.195</b>		<b>2.875</b>		<b>3.440</b>		<b>3.735</b>		<b>4.100</b>		<b>4.710</b>		<b>18.860</b>					





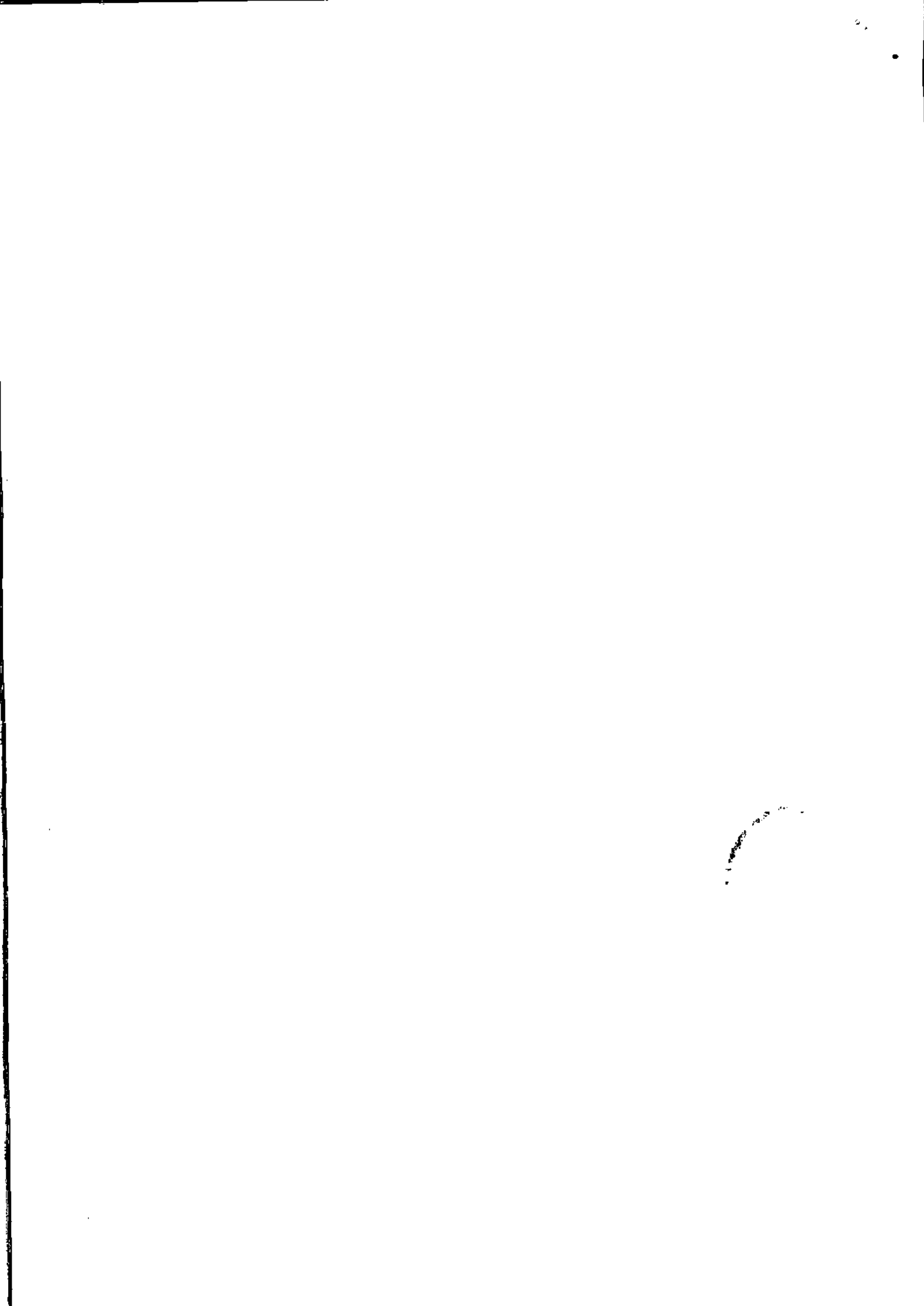


Phụ lục V.a

## DỰ KIẾN DANH SÁCH HỒ TRÒ XÂY DỰNG NHÂN HIỆU SẢN PHẨM LÀNG NGHỀ 2016 - 2020

(Kèm theo Kế hoạch số 3722/KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

TT	Tên làng nghề, địa chỉ	Dự kiến nhân hiệu xây dựng	Ghi chú
1	Làng sản xuất cá chép đỏ Thủy Trám, xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê	Cá chép đỏ	
2	Làng nghề mộc Việt Tiến, xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao	Mộc Việt Tiến	
3	Làng nghề nón Sai Nga, xã Sai Nga, huyện Cẩm Khê	Nón Sai Nga	
4	Làng nghề mộc Vân Du - xã Vân Du, huyện Đoan Hùng	Mộc Vân Du	
5	Làng nghề chế biến chè Hoàng Vân, xã Văn Luông, huyện Tân Sơn	Chè Hoàng Vân	
6	Làng nghề nuôi và chế biến rán Khuân Đậu, xã Trung Giáp, huyện Phù Ninh	Rượu rán	
7	Làng nghề sản xuất sơn đỏ Dị Nậu, xã Dị Nậu, huyện Tam Nông	Sơn đỏ Dị Nậu	
8	Làng nghề tương Bợ, xã Thạch Đông, huyện Thanh Thủy	Tương Bợ	
9	Làng nghề chế biến chè Đông Lão, xã Thục Luyen, huyện Thanh Sơn	Chè Đông Lão	
10	Làng nghề sản xuất bánh, bún và dịch vụ Hà Thạch, xã Hà Thạch, TX Phú Thọ	Bún, bánh Hà Thạch	
11	Làng nón lá Sơn Nga, xã Sơn Nga, huyện Cẩm Khê	Nón Sơn Nga	
12	Làng nuôi trồng và chế biến nấm, mộc nhĩ Đoan Thượng, xã Đông Luạn, huyện Thanh	Nấm, mộc nhĩ	
13	Làng nghề chế biến chè Mai Thịnh, xã Dịch Quả, huyện Thanh Sơn	Chè Mai Thịnh	
14	Làng nghề chế biến lâm sản Trại Hái, xã Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng	Lâm sản Trại Hái	
15	Làng nghề rau an toàn Phú Lợi, Trường Thịnh, TX Phú Thọ	Rau an toàn Phú Lợi	
16	Làng chế biến mỳ bún bánh Thạch Đề, xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê	Bún, bánh Thạch Đề	
17	Làng nghề rau an toàn Văn Phú, xã Sai Nga, huyện Cẩm Khê	Rau an toàn Văn Phú	
18	Làng nghề chế biến lâm sản Âm Hạ, xã Âm Hạ, huyện Hạ Hòa	Lâm sản Âm Hạ	
19	Làng nghề sản xuất và chế biến chè Ngọc Đông, xã Thục Luyen, huyện Thanh Sơn	Chè Ngọc Đông	
20	Làng nghề sản xuất và chế biến chè Phú Thịnh, xã Phú Hộ, TX Phú Thọ	Chè Phú Thịnh	





Phụ lục V.b

**DỰ KIẾN DANH SÁCH TANG NGHỀ HỖ TRỢ XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Kế hoạch số 5226/SKH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

TT	Tên làng nghề, địa chỉ	Ghi chú
1	Làng nghề chế biến thực phẩm Đoàn Kết xã Hùng Lô, TP Việt Trì	
2	Làng nghề tương Dục Mỹ, xã Cao Xá, huyện Lâm Thao	
3	Làng nghề nuôi và chế biến rắn Khuân Đậu, xã Trung Giáp, huyện Phù Ninh	
4	Làng nghề tương Bợ, xã Thạch Đồng, huyện Thanh Thủy	
5	Làng nghề sản xuất bánh, bún và dịch vụ Hà Thạch, xã Hà Thạch, TX Phú Thọ	
6	Làng nghề nuôi và chế biến rắn Từ Xá, huyện Lâm Thao	
7	Làng chế biến mỳ bún bánh Thạch Đê, xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê	
8	Làng rau an toàn Tân Đức, xã Tân Đức, TP Việt Trì	
9	Làng nghề xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp Hưng Đạo, xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao	
10	Làng sản xuất cá chép đỏ Thủy Trâm, xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê	
11	Làng nghề chế biến thực phẩm Việt Tiến, xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa	
12	Làng nghề sản xuất và chế biến chè Ngọc Đồng, xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn	
13	Làng nghề sản xuất và dịch vụ thủy sản Thủy Trạm, xã Sơn Thủy	
14	Làng nghề rau an toàn Văn Phú, xã Sai Nga, huyện Cẩm Khê	
15	Làng nghề sản xuất chè Phú Ích, xã Hương Xạ, huyện Hạ Hòa	
16	Làng nghề nuôi trồng và chế biến nấm, mộc nhĩ Đoàn Thượng, xã Đồng Luận, huyện Thanh Thủy	
17	Làng nghề rau an toàn Phú Lợi, phường Trường Thịnh, TX Phú Thọ	
18	Làng nghề sản xuất bún, bánh và DV xóm Chùa, xã Phú Nham, huyện Phù Ninh	
19	Làng nghề chế biến chè Hoàng Văn, xã Văn Lương, huyện Tân Sơn	
20	Làng nghề chế biến chè Mai Thịnh, xã Địch Quả, huyện Thanh Sơn	

